

CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

VIỆT NAM

A. Tóm tắt lý thuyết

I. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

1. Vị trí địa lí

- Nước ta nằm ở rìa đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Hệ tọa độ địa lí cho thấy nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc; thuộc bán cầu Đông; Nằm trong khu vực múi giờ số 7.
- Gắn liền với lục địa Á - Âu, tiếp giáp với Biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.

2. Phạm vi lãnh thổ

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển.

a. Vùng đất

- Phạm vi: gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.
- Đặc điểm:
 - + Biên giới trên đất liền: tiếp giáp với 3 quốc gia; phần lớn nằm ở khu vực miền núi; xác định theo các đỉnh núi, đường sống núi, đường chia nước, khe, sông suối; thông thương được tiến hành qua các cửa khẩu.
 - + Đường bờ biển từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).
 - + Các đảo trên biển: nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ, phần lớn là các đảo ven bờ và có hai quần đảo khơi xa.

b. Vùng biển

- Vị trí: tiếp giáp với vùng biển của 8 quốc gia.

- Các bộ phận hợp thành:

+ Nội thủy: tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở, được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.

+ Lãnh hải: rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở và đường phân định trên các vịnh với các nước hữu quan ra phía biển (phía ngoài đường cơ sở); là vùng biển thuộc chủ

quyền quốc gia trên biển, ranh giới của lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên

biển.

+ Vùng tiếp giáp lãnh hải: là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải, rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải; được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực

hiện chủ quyền của nước ven biển. Trong vùng này nước ta được quyền thực hiện các

biện pháp bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, quy định về y tế, môi trường, nhập cư...

+ Vùng đặc quyền kinh tế: tiếp liền với lãnh hải, hợp với lãnh hải thành vùng biển

rộng 200 hải lí; nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt

ống dẫn dầu, dây cáp ngầm, tự do hoạt động về hàng hải và hàng không.

+ Thềm lục địa: là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục

địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải, đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu 200m hoặc hơn nữa; nước ta có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí các tài nguyên thiên nhiên.

- Vùng biển nước ta có diện tích khoảng 1 triệu km² ở Biển Đông.

c. Vùng trời

Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta; trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và

không gian của các đảo.

3. Ý nghĩa của vị trí địa lí

a. Ý nghĩa tự nhiên

- Quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Có tài nguyên khoáng sản và sinh vật phong phú.
- Tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.
- Nằm trong vùng có nhiều thiên tai: bão, lũ lụt...

b. Ý nghĩa kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng

- Về kinh tế:

+ Giao lưu thuận lợi với các nước bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.

+ Tạo điều kiện để nước ta thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Về văn hóa - xã hội: tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước.

- Về quốc phòng: Biển Đông là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc

xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

II. Đặc điểm chung tự nhiên Việt Nam

II.1. Đất nước nhiều đồi núi

1. Đặc điểm chung của địa hình

a. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- Chủ yếu là núi thấp.

b. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng

- Địa hình nước ta được Tân kiến tạo làm cho trẻ lại và phân bậc rõ rệt.
- Địa hình cao ở tây bắc thấp dần xuống đông nam và phân hóa đa dạng.

- Cấu trúc gồm hai hướng chính: Tây bắc - đông nam, vòng cung.

c. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi

+ Bề mặt địa hình bị chia cắt, nhiều nơi trơ sỏi đá, đất trượt đá lở.

+ Có địa hình cacxtơ với các hang động, suối cạn, thung khô.

+ Các vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành đồi thấp xen thung lũng rộng.

- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.

d. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

Hoạt động sản xuất làm thay đổi địa hình: khai thác khoáng sản, thủy điện, phá rừng, đắp đê...

2. Các khu vực địa hình

a. Khu vực đồi núi

* Địa hình núi được chia thành bốn vùng chính: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn

Bắc, Trường Sơn Nam

Vùng núi Đặc điểm	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Phạm vi	Tả ngạn	Giữa sông	Sông Cả tới dãy	Bạch Mã đến

	sông Hồng.	Hồng và sông Cả.	Bạch Mã.	hết khối núi cực Nam Trung Bộ.
Độ cao	Chủ yếu núi thấp và trung bình.	Cao nhất.	Thấp và hẹp ngang, cao hơn ở hai đầu.	Cao đồ sộ ở phía bắc và nam.
Hướng núi	Vòng cung.	Tây bắc - đông nam.	Tây bắc - đông nam.	Vòng cung.
Cấu trúc, hình thái	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 4 cánh cung lớn. - Xen kẽ là những thung lũng sông. - Giáp biên giới Việt - Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn. - Phía tây là núi trung bình. - Ở giữa là những cao nguyên, sơn nguyên đá vôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm những dãy song song, so le hướng tây bắc - đông nam. - Núi thấp, hẹp ngang, cao hơn ở hai đầu. - Dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tây: cao nguyên badan và các bán bình nguyên xen đôi. - Đông: Khối núi Kon Tum và cực Nam Trung Bộ nâng cao. - Địa hình bất đối xứng giữa hai sườn đông - tây.

* Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du:

- Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

+ Bán bình nguyên: là các bậc thềm phù sa cổ, các bề mặt phủ badan độ cao 100

-

200m, chủ yếu ở Đông Nam Bộ.

+ Đồi trung du: chủ yếu là các thềm phù sa cổ bị dòng chảy chia cắt; rộng nhất ở rìa phía bắc và tây bắc đồng bằng sông Hồng, thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền

Trung.

b. Khu vực đồng bằng

* Đồng bằng châu thổ sông gồm: đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Đặc điểm		Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Giống nhau		- Do phù sa sông bồi tụ dần trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng. - Bề mặt tương đối bằng phẳng, bị chia cắt thành nhiều ô.	
Khác nhau	Nguồn gốc	Do phù sa hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ.	Do phù sa sông Tiền và sông Hậu bồi tụ.
	Diện tích	Nhỏ hơn (khoảng 15000 km ²)	Lớn hơn (khoảng 40000 km ²)
	Địa hình	Cao ở rìa phía bắc và tây bắc, thấp dần ra biển	Thấp và bằng phẳng
	Bề mặt	- Có đê sông ngăn lũ nên: + Trong đê gồm các khu ruộng cao bạc màu và ô trũng ngập nước; + Ngoài đê được phù sa bồi tụ hàng năm.	- Không có đê hoặc ít đê bao.... - Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. - Có những ô trũng lớn do chưa được bồi lấp xong
Đất đai	Đất bị thoái hóa, bạc màu.	Đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn.	

* Đồng bằng ven biển

- Chủ yếu do vật liệu biển bồi đắp, đất nhiều cát, ít phù sa.
- Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- Nhiều đồng bằng có sự phân chia làm ba dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá, ở giữa là vùng thấp trũng, trong cùng là đồng bằng phù sa.

II.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

1. Khái quát về Biển Đông

- Là biển rộng.
- Tương đối kín.
- Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam

a. Khí hậu

